

KCA Laboratories 232 North Plaza Drive Nicholasville, KY 40356

+1-833-KCA-LABS https://kcalabs.com KDA Lic.# P_0058

1 of 2

Realize Top Shelf, Bubba Kush, Disposable Vape 2g

Sample ID: SA-251030-71867 Batch: 2GTSBUBBA2511

Type: Finished Product - Inhalable

Matrix: Concentrate - Vape

Unit Mass (g):

Received: 11/04/2025 Completed: 11/11/2025 Client Pure Global Inc 500 Capitol Mall Sacramento, CA 95814

USA





Summary

Test Cannabinoids

Date Tested 11/11/2025

Status Tested

ND Δ9-THC

78.4 % Δ8-ΤΗС 83.3 %

Total Cannabinoids

Not Tested

Moisture Content

Not Tested

Foreign Matter

Yes

Internal Standard Normalization







KCA Laboratories 232 North Plaza Drive Nicholasville, KY 40356

+1-833-KCA-LABS https://kcalabs.com KDA Lic.# P_0058

2 of 2

Realize Top Shelf, Bubba Kush, Disposable Vape 2g

Sample ID: SA-251030-71867 Batch: 2GTSBUBBA2511 Type: Finished Product - Inhalable

Matrix: Concentrate - Vape Unit Mass (q):

Received: 11/04/2025 Completed: 11/11/2025 Client

Pure Global Inc 500 Capitol Mall Sacramento, CA 95814

Cannabinoids by HPLC-PDA and GC-MS/MS

| CBC | | | | | |
|---|-------------------|--------|--------|---|---------------------|
| CBC | Analyte | | | | |
| CBCA | | (%) | | (%) | (mg/g) |
| CBCV | CBC | 0.0095 | 0.0284 | ND | ND |
| CBD | CBCA | 0.0181 | 0.0543 | ND | ND |
| CBDA | CBCV | 0.006 | 0.018 | ND | ND |
| CBDP CBDV O.0061 O.0082 ND ND ND CBDVA O.0021 O.0063 ND ND CBG ND ND ND CBG ND ND ND CBG ND ND ND ND CBG CBG O.0057 O.0172 ND ND ND ND CBGA O.0049 O.0147 ND ND ND CBLA O.0122 O.0335 ND ND ND ND ND CBLA O.0124 O.0371 ND ND CBN CBN O.0056 O.0169 0.250 0.0587 CBT O.018 O.0133 O.04 O.0587 CBT O.018 O.0133 O.04 O.0587 CBT O.0133 O.04 O.0587 CBT O.0133 O.04 O.0183 O.04 O.0567 O.567 O.567 O.567 O.567 AB-THCC O.0133 O.04 O.0312 78.4 78.4 78.4 78.4 78.4 78.4 78.4 78.4 | CBD | 0.0081 | 0.0242 | ND | ND |
| CBDV 0.0061 0.0182 ND ND CBDVA 0.0021 0.0063 ND ND CBG 0.0057 0.0172 ND ND CBCA 0.0049 0.0147 ND ND CBL 0.0112 0.0335 ND ND CBLA 0.0124 0.0371 ND ND CBN 0.0056 0.0169 2.50 250 CBNA 0.006 0.0181 ND ND CBNP 0.0133 0.04 0.0587 0.587 CBT 0.018 0.054 4LOQ ALOQ Δ4,8-iso-THC 0.0133 0.04 0.183 1.83 Δ8-iso-THC 0.0133 0.04 0.183 1.83 Δ8-THC 0.0133 0.04 0.153 1.53 Δ8-THC 0.0133 0.04 0.0567 0.567 Δ8-THC 0.0133 0.04 0.010 1.00 Δ9-THC 0.0033 | CBDA | 0.0043 | 0.013 | ND | ND |
| CBDVA 0.0021 0.0063 ND ND CBG 0.0057 0.0172 ND ND CBLA 0.0049 0.0147 ND ND CBLA 0.0112 0.0335 ND ND CBN 0.0056 0.0169 2.50 25.0 CBNA 0.006 0.0181 ND ND CBNP 0.0133 0.04 0.0587 0.587 CBT 0.018 0.054 <0.00 | CBDP | 0.0133 | 0.04 | ND | ND |
| CBG CBGA CBCA CBL CBL CBL CBL CBN | CBDV | 0.0061 | 0.0182 | ND | ND |
| CBGA 0.0049 0.0147 ND ND CBL 0.0112 0.0335 ND ND CBLA 0.00124 0.0371 ND ND CBN 0.0056 0.0169 2.50 25.0 CBNA 0.006 0.0181 ND ND CBNP 0.0133 0.04 0.0587 0.587 CBT 0.018 0.054 4.00 4.00 A4,8-iso-THC 0.0133 0.04 ND ND A8-THC 0.0133 0.04 0.153 1.53 A8-THCP 0.0133 0.04 0.0567 0.567 A8-THCV 0.0133 0.04 0.0567 0.567 A8-THCV 0.0133 0.04 0.001 1.00 A9-THCV 0.0033 0.04 0.001 1.00 A9-THCA 0.0084 0.0227 ND ND A9-THCV 0.0069 0.0226 ND ND ND A9-THCVA | CBDVA | 0.0021 | 0.0063 | ND | ND |
| CBL 0.0112 0.0335 ND ND CBLA 0.0124 0.0371 ND ND CBN 0.0056 0.0169 2.50 250 CBNA 0.0066 0.0181 ND ND CBNP 0.0133 0.04 0.0587 0.587 CBT 0.018 0.054 < LOQ | CBG | 0.0057 | 0.0172 | ND | ND |
| CBLA 0.0124 0.0371 ND ND CBN 0.0056 0.0169 2.50 25.0 CBNA 0.006 0.0181 ND ND CBNP 0.0133 0.04 0.0587 0.587 CBT 0.018 0.054 4LOQ 4LOQ Δ4,8-iso-THC 0.0133 0.04 ND ND Λβ-iso-THC 0.0133 0.04 0.183 1.83 Λβ-iso-THC 0.0133 0.04 0.153 1.53 Λβ-THC 0.0104 0.0312 78.4 784 Λβ-THCP 0.0133 0.04 0.0567 0.567 Λβ-THCV 0.0033 0.04 0.101 1.00 Λβ-THCA 0.0076 0.0227 ND ND Λβ-THCP 0.0133 0.04 0.865 8.65 Λβ-THCP 0.0133 0.04 0.865 8.65 Λβ-THCP 0.0069 0.0206 ND ND Λβ-THCP | CBGA | 0.0049 | 0.0147 | ND | ND |
| CBN 0.0056 0.0169 2.50 25.0 CBNA 0.006 0.0181 ND ND CBNP 0.0133 0.04 0.0587 0.587 CBT 0.018 0.054 <t_loq< td=""> <t_loq< td=""> Δ4,8-iso-THC 0.0133 0.04 ND ND Δ6a,10a-THC 0.0133 0.04 0.153 1.83 Δ8-THC 0.0133 0.04 0.153 1.53 Δ8-THCV 0.0133 0.04 0.0567 0.567 Δ8-THCV 0.0133 0.04 0.101 1.00 Δ9-THC 0.0076 0.0227 ND ND Δ9-THCA 0.0084 0.0251 0.992 9.92 Δ9-THCP 0.0133 0.04 0.865 8.65 Δ9-THCV 0.0069 0.0206 ND ND Δ9-THCVA 0.0069 0.0186 ND ND (6aR,9R)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND ND (6aR,9</t_loq<></t_loq<> | CBL | 0.0112 | 0.0335 | ND | ND |
| CBNA 0.006 0.0181 ND ND CBNP 0.0133 0.04 0.0587 0.587 CBT 0.018 0.054 < LOQ | CBLA | 0.0124 | 0.0371 | ND | ND |
| CBNP 0.0133 0.04 0.0587 0.587 CBT 0.018 0.054 <loq< td=""> <loq< td=""> Δ4,8-iso-THC 0.0133 0.04 ND ND Δ6a,loa-THC 0.0133 0.04 0.183 1.83 Δ8-THC 0.0133 0.04 0.153 1.53 Δ8-THCP 0.0104 0.0312 78.4 784 Δ8-THCP 0.0133 0.04 0.0567 0.567 Δ8-THCV 0.0133 0.04 0.101 1.00 Δ9-THC 0.0076 0.0227 ND ND Δ9-THCA 0.0084 0.0251 0.992 9.92 Δ9-THCV 0.0069 0.0206 ND ND Δ9-THCVA 0.0069 0.0206 ND ND (6aR,9R)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND ND (6aR,9S)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND ND (6aR,9-THC) 0.0133 0.04 ND ND <t< td=""><td>CBN</td><td>0.0056</td><td>0.0169</td><td>2.50</td><td>25.0</td></t<></loq<></loq<> | CBN | 0.0056 | 0.0169 | 2.50 | 25.0 |
| CBT 0.018 0.054 <loq< td=""> <loq< td=""> Δ4,8-iso-THC 0.0133 0.04 ND ND Δ6a,10a-THC 0.0133 0.04 0.183 1.83 Δ8-iso-THC 0.0133 0.04 0.153 1.53 Δ8-THC 0.0104 0.0312 78.4 784 Δ8-THCP 0.0133 0.04 0.0567 0.567 Δ8-THCV 0.0133 0.04 0.101 1.00 Δ9-THC 0.00133 0.04 0.101 1.00 Δ9-THCA 0.0084 0.0227 ND ND Δ9-THCP 0.0133 0.04 0.865 8.65 Δ9-THCV 0.0069 0.0206 ND ND Δ9-THCVA 0.0062 0.0186 ND ND (6aR,9R)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND ND (6aR,9S)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND ND (6aR,9S)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND ND (6aR,9S)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND ND (6a</loq<></loq<> | CBNA | 0.006 | 0.0181 | ND | ND |
| Δ4,8-iso-THC Δ6a,10a-THC Δ6a,10a-THC 0.0133 0.04 0.183 1.83 Δ8-iso-THC 0.0133 0.04 0.153 1.53 Δ8-THC 0.0104 0.0312 78.4 784 Δ8-THCP 0.0133 0.04 0.0567 0.567 Δ8-THCV 0.0133 0.04 0.0567 0.567 Δ8-THCV 0.0133 0.04 0.101 1.00 Δ9-THC 0.0076 0.0227 ND ND ND ND Δ9-THCA 0.0084 0.0251 0.992 9.92 Δ9-THCP 0.0133 0.04 0.865 0.65 0.97 1.00 Δ9-THCV 0.0069 0.0206 ND ND Δ9-THCVA (6aR,9R)-Δ10-THC (6aR,9S)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND | CBNP | 0.0133 | 0.04 | 0.0587 | 0.587 |
| Δ6a,loa-THC | CBT | 0.018 | 0.054 | <loq< td=""><td><loq< td=""></loq<></td></loq<> | <loq< td=""></loq<> |
| Δ8-iso-THC Δ8-THC 0.0133 0.04 0.0312 78.4 784 Δ8-THCP 0.0133 0.04 0.0567 0.567 Δ8-THCV 0.0133 0.04 0.001 1.00 Δ9-THC 0.0076 0.0227 ND ND ND Δ9-THCP 0.0133 0.04 0.0251 0.992 9.92 Δ9-THCP 0.0133 0.04 0.0865 8.65 Δ9-THCV 0.0069 0.0206 ND ND ND Δ9-THCVA 0.0062 0.0186 ND ND ND (6aR,9R)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND ND ND ND (6aR,9S)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND ND ND ND ND ND ND ND ND N | Δ4,8-iso-THC | 0.0133 | 0.04 | ND | ND |
| Δ8-THC | Δ6a,10a-THC | 0.0133 | 0.04 | 0.183 | 1.83 |
| Δ8-THCP 0.0133 0.04 0.0567 0.567 Δ8-THCV 0.0133 0.04 0.101 1.00 Δ9-THC 0.0076 0.0227 ND ND ND Δ9-THCA 0.0084 0.0251 0.992 9.92 Δ9-THCP 0.0133 0.04 0.865 8.65 Δ9-THCV 0.0069 0.0206 ND ND ND Δ9-THCVA 0.0062 0.0186 ND ND ND (6aR,9R)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND ND (6aR,9S)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND ND (6aR,9S)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND ND (σενο-THC 0.0133 0.04 ND ND ND | Δ8-iso-THC | 0.0133 | 0.04 | 0.153 | 1.53 |
| Δ8-THCV 0.0133 0.04 0.101 1.00 Δ9-THC 0.0076 0.0227 ND ND ND Δ9-THCA 0.0084 0.0251 0.992 9.92 Δ9-THCP 0.0133 0.04 0.865 8.65 Δ9-THCV 0.0069 0.0206 ND ND ND Δ9-THCVA 0.0062 0.0186 ND ND ND (6aR,9R)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND ND ND (6aR,9S)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND | Δ8-ΤΗС | 0.0104 | 0.0312 | 78.4 | 784 |
| Δ9-THC 0.0076 0.0227 ND ND A9-THCA 0.0084 0.0251 0.992 9.92 | Δ8-ΤΗСΡ | 0.0133 | 0.04 | 0.0567 | 0.567 |
| Δ9-THCA 0.0084 0.0251 0.992 9.92 Δ9-THCP 0.0133 0.04 0.865 8.65 Δ9-THCV 0.0069 0.0206 ND ND Δ9-THCVA 0.0062 0.0186 ND ND (6aR,9R)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND ND (6aR,9S)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND ND exo-THC 0.0133 0.04 ND ND Total Δ9-THC | Δ8-THCV | 0.0133 | 0.04 | 0.101 | 1.00 |
| Δ9-THCP 0.0133 0.04 0.865 8.65 Δ9-THCV 0.0069 0.0206 ND ND Δ9-THCVA 0.0062 0.0186 ND ND (6aR,9R)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND ND (6aR,9S)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND ND exo-THC 0.0133 0.04 ND ND Total Δ9-THC 0.870 8.70 | Δ9-ΤΗС | 0.0076 | 0.0227 | ND | ND |
| Δ9-THCV | Δ9-ΤΗCΑ | 0.0084 | 0.0257 | 0.992 | 9.92 |
| Δ9-THCVA 0.0062 0.0186 ND ND (6aR,9R)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND ND (6aR,9S)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND ND ND exo-THC 0.0133 0.04 ND ND ND ND Total Δ9-THC 0.870 8.70 | Δ9-ΤΗСΡ | 0.0133 | 0.04 | 0.865 | 8.65 |
| (6aR,9R)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND ND (6aR,9S)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND ND exo-THC 0.0133 0.04 ND ND Total Δ9-THC 0.870 8.70 | Δ9-THCV | 0.0069 | 0.0206 | ND | ND |
| (6aR,9S)-Δ10-THC 0.0133 0.04 ND ND exo-THC 0.0133 0.04 ND ND Total Δ9-THC 0.870 8.70 | Δ9-THCVA | 0.0062 | 0.0186 | ND | ND |
| exo-THC 0.0133 0.04 ND ND ND Total Δ9-THC 0.870 8.70 | (6a R,9R)-Δ10-THC | 0.0133 | 0.04 | ND | ND |
| Total Δ9-THC 0.870 8.70 | (6a R,9S)-Δ10-THC | 0.0133 | 0.04 | ND | ND |
| | exo-THC | 0.0133 | 0.04 | ND | ND |
| | Total Δ9-THC | | | 0.870 | 8.70 |
| Total 83.3 833 | Total | | | 83.3 | 833 |

ND = Not Detected; NR = Sample matrix interference present which may affect accuracy of results; NT = Not Tested; UA = Unsuitable for Analysis; NR = (Spike) Not Recoverable; LOD = Limit of Detection; LOQ = Limit of Quantitation; RL = Reporting Limit; Δ = Delta; Total Δ 9-THC = Δ 9-THCA * 0.877 + Δ 9-THC; Total CBD = CBDA * 0.877 + CBD;

Generated By: Scott Caudill Laboratory Manager Date: 11/11/2025

Tested By: Scott Caudill Laboratory Manager Date: 11/11/2025





